

V/v thư mời báo giá sứ và phụ kiện

Kính gửi: Các Quý Công ty, Doanh nghiệp.

Đầu tiên Công ty Điện lực Cao Bằng xin gửi tới Quý Công ty, Doanh nghiệp lời chào trân trọng. Cảm ơn các quý Công ty, Doanh nghiệp, đã hợp tác, đồng hành với chúng tôi trong thời gian qua.

Công ty chúng tôi đang có nhu cầu mua sắm sứ và phụ kiện. Cụ thể như sau:

*(Có bảng danh mục thiết bị cần báo giá đính kèm)*

Các quý Công ty, Doanh nghiệp, quan tâm, chúng tôi kính mời cung cấp báo giá gửi thông tin chi tiết liên hệ:

- Phòng Kế hoạch vật tư Công ty Điện lực Cao Bằng
  - Số điện thoại: 0263 852 560.
  - Email: pccaobang@gmail.com
  - Địa chỉ: đường Pác Bó, phường Sông Bằng, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.
  - Thời gian nhận báo giá: Trong vòng 03 ngày kể từ ngày thông báo.
- Xin trân trọng cảm ơn./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Ban Giám đốc ;
- Lưu: VT, KHVT.

**GIÁM ĐỐC**

**Vũ Xuân Linh**

**Phụ lục**  
**HÀNG HÓA CẦN BẢO GIÁ- SỨ VÀ PHỤ KIỆN**

| TT | Tên VTTB                                                       | Thông số kỹ thuật                                                                                                     | Kiểu loại/Xuất xứ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền chưa VAT |
|----|----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------|----------|---------|---------------------|
| 1  | Sứ hạ thế A30 kèm ty                                           | Sứ hạ thế A30 kèm ty                                                                                                  |                   | quả         | 10       |         |                     |
| 2  | Sứ đứng gồm 22kV cả ty, chiều dài đường rò >=600mm             | Sứ đứng gồm 22kV cả ty, chiều dài đường rò >=600mm                                                                    |                   | quả         | 20       |         |                     |
| 3  | Sứ đứng gồm 22kV cả ty (Ty ngầm), chiều dài đường rò >=600mm   | Sứ đứng gồm 22kV cả ty (Ty ngầm), chiều dài đường rò >=600mm                                                          |                   | quả         | 30       |         |                     |
| 4  | Sứ đứng gồm 35kV cả ty, chiều dài đường rò >=962,5mm           | Sứ đứng gồm 35kV cả ty, chiều dài đường rò >=962,5mm                                                                  |                   | quả         | 171      |         |                     |
| 5  | Sứ đứng gồm 35kV cả ty (Ty ngầm), chiều dài đường rò >=962,5mm | Sứ đứng gồm 35kV cả ty (Ty ngầm), chiều dài đường rò >=962,5mm                                                        |                   | quả         | 61       |         |                     |
| 6  | Bát sứ thủy tinh U70                                           | Chiều cao bát cách điện: 146mm<br>Đường kính: 255mm<br>Chiều dài đường rò: 320mm<br>Độ bền cơ học: $\geq 70\text{kN}$ |                   | bát         | 3519     |         |                     |
| 7  | Móc treo chữ U                                                 | Móc treo chữ U                                                                                                        |                   | cái         | 427      |         |                     |
| 8  | Vòng treo đầu tròn loại U                                      | Vòng treo đầu tròn loại U                                                                                             |                   | cái         | 434      |         |                     |
| 9  | Mắc nối đơn                                                    | Mắc nối đơn                                                                                                           |                   | cái         | 500      |         |                     |
| 10 | Mắc nối kép                                                    | Mắc nối kép                                                                                                           |                   | cái         | 500      |         |                     |
| 11 | Mắt nối trung gian điều chỉnh                                  | Mắt nối trung gian điều chỉnh                                                                                         |                   | cái         | 500      |         |                     |
| 12 | Khánh đơn L - 400                                              | Khánh đơn L - 400                                                                                                     |                   | bộ          | 500      |         |                     |
| 13 | Khóa néo dây chống sét 50-70                                   | Khóa néo dây chống sét 50-72                                                                                          |                   | cái         | 20       |         |                     |
| 14 | Khóa néo dây 03 gu đông                                        | Khóa néo dây 03 gu đông                                                                                               |                   | cái         | 12       |         |                     |
| 15 | Khóa đỡ dây chống sét 50-70                                    | Khóa đỡ dây chống sét 50-70                                                                                           |                   | cái         | 3        |         |                     |

| TT | Tên VTTB                                                | Thông số kỹ thuật                                       | Kiểu loại/Xuất xứ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền chưa VAT |
|----|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|-------------------|-------------|----------|---------|---------------------|
| 16 | Giáp nú + yếm lót cho dây trần ACSR-50/8                | Giáp nú + yếm lót cho dây trần ACSR-50/8                |                   | bộ          | 93       |         |                     |
| 17 | Giáp nú + yếm lót cho dây trần ACSR-70/11               | Giáp nú + yếm lót cho dây trần ACSR-70/11               |                   | bộ          | 60       |         |                     |
| 18 | Giáp nú + yếm lót cho dây trần ACSR-95/16               | Giáp nú + yếm lót cho dây trần ACSR-95/16               |                   | bộ          | 30       |         |                     |
| 19 | Giáp nú + yếm lót cho dây trần ACSR-120/19              | Giáp nú + yếm lót cho dây trần ACSR-120/19              |                   | bộ          | 30       |         |                     |
| 20 | Giáp nú + yếm lót cho cáp bọc cách điện 22kV-1x50       | Giáp nú + yếm lót cho cáp bọc cách điện 22kV-1x50       |                   | bộ          | 69       |         |                     |
| 21 | Giáp nú + yếm lót cho cáp bọc cách điện 22kV-1x70       | Giáp nú + yếm lót cho cáp bọc cách điện 22kV-1x70       |                   | bộ          | 18       |         |                     |
| 22 | Giáp nú + yếm lót cho cáp bọc cách điện 22kV-1x95       | Giáp nú + yếm lót cho cáp bọc cách điện 22kV-1x95       |                   | bộ          | 20       |         |                     |
| 23 | Giáp nú + yếm lót cho cáp bọc cách điện 22kV-1x120      | Giáp nú + yếm lót cho cáp bọc cách điện 22kV-1x120      |                   | bộ          | 20       |         |                     |
| 24 | Đầu cáp ngoài trời co ngội 35kV 3x50                    | Đầu cáp ngoài trời co ngội 35kV 3x50                    |                   | cái         | 4        |         |                     |
| 25 | Đầu cáp ngoài trời co ngội 35kV 3x95                    | Đầu cáp ngoài trời co ngội 35kV 3x95                    |                   | cái         | 2        |         |                     |
| 26 | Kẹp cáp nhôm - nhôm dùng cho dây trần 3 bu lông 35 -95  | Kẹp cáp nhôm - nhôm dùng cho dây trần 3 bu lông 35 -95  |                   | cái         | 200      |         |                     |
| 27 | Kẹp cáp nhôm - nhôm dùng cho dây trần 3 bu lông 95 -120 | Kẹp cáp nhôm - nhôm dùng cho dây trần 3 bu lông 95 -120 |                   | cái         | 174      |         |                     |
| 28 | Đầu cốt đồng - 50 mm                                    | Đầu cốt đồng - 50 mm: Bằng đồng mạ thiếc hoặc niken     |                   | cái         | 24       |         |                     |
| 29 | Đầu cốt đồng - 70 mm                                    | Đầu cốt đồng - 70 mm: Bằng đồng mạ thiếc hoặc niken     |                   | cái         | 78       |         |                     |
| 30 | Đầu cốt đồng - 95 mm                                    | Đầu cốt đồng - 95 mm: Bằng đồng mạ thiếc hoặc niken     |                   | cái         | 30       |         |                     |
| 31 | Đầu cốt đồng - 120 mm                                   | Đầu cốt đồng - 120 mm: Bằng đồng mạ thiếc hoặc niken    |                   | cái         | 10       |         |                     |
| 32 | Đầu cốt đồng - nhôm - 50 mm                             | Đầu cốt đồng - nhôm - 50 mm: Bằng đồng mạ thiếc hoặc    |                   | cái         | 34       |         |                     |

| TT | Tên VTTB                            | Thông số kỹ thuật                                                                   | Kiểu loại/Xuất xứ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền chưa VAT |
|----|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------|----------|---------|---------------------|
|    |                                     | niken                                                                               |                   |             |          |         |                     |
| 33 | Đầu cốt đồng - nhôm - 70 mm         | Đầu cốt đồng - nhôm - 70 mm: Bằng đồng mạ thiếc hoặc niken                          |                   | cái         | 292      |         |                     |
| 34 | Đầu cốt đồng - nhôm - 95 mm         | Đầu cốt đồng - nhôm - 95 mm: Bằng đồng mạ thiếc hoặc niken                          |                   | cái         | 104      |         |                     |
| 35 | Đầu cốt đồng - nhôm - 120 mm        | Đầu cốt đồng - nhôm - 120 mm: Bằng đồng mạ thiếc hoặc niken                         |                   | cái         | 80       |         |                     |
| 36 | Nắp silicon chụp sứ đứng thẳng 35kV | Nắp chụp đầu sứ: Vật liệu cách điện bằng Polymer (Silicon rubber)                   |                   | cái         | 46       |         |                     |
| 37 | Nắp chụp cầu chì SI                 | Nắp chụp cầu chì SI: Vật liệu cách điện bằng Polymer (Silicon rubber)               |                   | cái         | 78       |         |                     |
| 38 | Nắp chụp đầu cực CSV                | Nắp chụp đầu cực CSV: Vật liệu cách điện bằng Polymer (Silicon rubber)              |                   | cái         | 27       |         |                     |
| 39 | Nắp chụp đầu cực sứ MBA trung thế   | Nắp chụp đầu cực sứ MBA trung thế: Vật liệu cách điện bằng Polymer (Silicon rubber) |                   | cái         | 39       |         |                     |
| 40 | Nắp chụp đầu cực sứ MBA hạ thế      | Nắp chụp đầu cực sứ MBA hạ thế: Vật liệu cách điện bằng Polymer (Silicon rubber)    |                   | cái         | 52       |         |                     |
| 41 | Kẹp treo cáp vặn xoắn 4x25-95       | Kẹp treo cáp vặn xoắn 4x25-95                                                       |                   | cái         | 167      |         |                     |
| 42 | Kẹp treo cáp vặn xoắn 4x95-120      | Kẹp treo cáp vặn xoắn 4x95-120                                                      |                   | cái         | 10       |         |                     |
| 43 | Kẹp treo cáp vặn xoắn 4x120-150     | Kẹp treo cáp vặn xoắn 4x120-150                                                     |                   | cái         | 1        |         |                     |
| 44 | Kẹp treo cáp vặn xoắn 4x185-240     | Kẹp treo cáp vặn xoắn 4x185-240                                                     |                   | cái         | 419      |         |                     |
| 45 | Kẹp xiết cáp vặn xoắn 4x25-95       | Kẹp xiết cáp vặn xoắn 4x25-95                                                       |                   | cái         | 1517     |         |                     |
| 46 | Kẹp xiết cáp vặn xoắn 4x95-120      | Kẹp xiết cáp vặn xoắn 4x95-120                                                      |                   | cái         | 10       |         |                     |
| 47 | Kẹp xiết cáp vặn xoắn 4x120-150     | Kẹp xiết cáp vặn xoắn 4x120-150                                                     |                   | cái         | 171      |         |                     |

| TT | Tên VTTB                              | Thông số kỹ thuật                                                                          | Kiểu loại/Xuất xứ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền chưa VAT |
|----|---------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------|----------|---------|---------------------|
| 48 | Kẹp xiết cáp vặn xoắn 4x185-240       | Kẹp xiết cáp vặn xoắn 4x185-240                                                            |                   | cái         | 410      |         |                     |
| 49 | Ghíp bọc hạ thế (25-95) - 2 bulong    | Ghíp bọc hạ thế (25-95) - 2 bulong                                                         |                   | cái         | 10       |         |                     |
| 50 | Cóc cáp 50 (cóc chữ U)                | Cóc cáp 50 (cóc chữ U)                                                                     |                   | cái         | 20       |         |                     |
| 51 | Biển tên trạm biến áp (KT 500x700mm)  | Biển tên trạm biến áp (KT 500x700mm)                                                       |                   | cái         | 14       |         |                     |
| 52 | Biển tên dao cách ly; LBS (135x360mm) | Biển tên dao cách ly; LBS (135x360mm)                                                      |                   | cái         | 20       |         |                     |
| 53 | Biển cấm trèo                         | Biển cấm trèo                                                                              |                   | cái         | 19       |         |                     |
| 54 | Biển tên tên cột (135x360mm)          | Biển tên cột (135x360mm)                                                                   |                   | cái         | 403      |         |                     |
| 55 | Biển 2 nguồn đến (80x135mm)           | Biển 2 nguồn đến (80x135mm)                                                                |                   | cái         | 3        |         |                     |
| 56 | Đai thép dài 1,2m                     | Đai thép dài 1,2m                                                                          |                   | cái         | 3662     |         |                     |
| 57 | Khóa đai                              | Khóa đai                                                                                   |                   | cái         | 3662     |         |                     |
| 58 | Ống nối không chịu lực cho dây 50     | Ống nối không chịu lực cho dây 50: Ống nối ép loại ống nối nhôm/hộp kim nhôm chịu lực cao  |                   | cái         | 42       |         |                     |
| 59 | Ống nối không chịu lực cho dây 70     | Ống nối không chịu lực cho dây 70: Ống nối ép loại ống nối nhôm/hộp kim nhôm chịu lực cao  |                   | cái         | 62       |         |                     |
| 60 | Ống nối không chịu lực cho dây 95     | Ống nối không chịu lực cho dây 95: Ống nối ép loại ống nối nhôm/hộp kim nhôm chịu lực cao  |                   | cái         | 10       |         |                     |
| 61 | Ống nối không chịu lực cho dây 120    | Ống nối không chịu lực cho dây 120: Ống nối ép loại ống nối nhôm/hộp kim nhôm chịu lực cao |                   | cái         | 10       |         |                     |
| 62 | Ống gân xoắn HDPE 105/80              | Ống gân xoắn HDPE 105/80                                                                   |                   | mét         | 9        |         |                     |
| 63 | Ống gân xoắn HDPE 130/100             | Ống gân xoắn HDPE 105/81                                                                   |                   | mét         | 1        |         |                     |
| 64 | Ốp cột \$20 ( má ốp \$20 mạ kẽm )     | Ốp cột \$20 ( má ốp \$20 mạ kẽm )                                                          |                   | cái         | 1396     |         |                     |
| 65 | Khóa néo nê                           | Khóa néo nê                                                                                |                   | cái         | 1        |         |                     |

| TT | Tên VTTB                                      | Thông số kỹ thuật                             | Kiểu<br>loại/Xuất<br>xứ | Đơn vị<br>tính | Số<br>lượng | Đơn giá | Thành<br>tiền<br>chưa<br>VAT |
|----|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------|-------------------------|----------------|-------------|---------|------------------------------|
| 66 | Tăng đơ 2 đầu ma ní F20                       | Tăng đơ 2 đầu ma ní F20                       |                         | cái            | 1           |         |                              |
| 67 | Vai đệm chữ C                                 | Vai đệm chữ C                                 |                         | cái            | 20          |         |                              |
| 68 | Hộp 01 công tơ 01 pha                         | Hộp 01 công tơ 01 pha                         |                         | hộp            | 1           |         |                              |
| 69 | Hóa chất giảm điện trở suất của đất (GEM)     | Hóa chất giảm điện trở suất của đất (GEM)     |                         | kg             | 1           |         |                              |
| 70 | Kẹp quai nhôm - đồng 35-120                   | KQ 35-120                                     |                         | cái            | 48          |         |                              |
| 71 | Kẹp hotline 35-120                            | KON 35-120                                    |                         | cái            | 48          |         |                              |
| 72 | Đầu chờ tiếp địa hạ áp trên lưới cáp vắn xoắn | Đầu chờ tiếp địa hạ áp trên lưới cáp vắn xoắn |                         | bộ(4<br>cái)   | 22          |         |                              |
| 73 | Tạ chống rung                                 |                                               |                         | bộ             | 6           |         |                              |

